DÒ BÀI

1	xinh đẹp	
2	to, mập – to hơn	
3	bạn cùng lớp	
4	từ điển	
5	mập, béo - mập hơn	
6	già – già hơn	
7	thấp – thấp hơn	
8	mảnh mai – mảnh mai hơn	
9	nhỏ - nhỏ hơn	
10	khỏe mạnh – khỏe hơn	
11	cao – cao hơn	
12	dày, rộng – dày hơn	
13	gầy, mỏng – gầy hơn	
14	trẻ - trẻ hơn	
15	Lina trông như thế nào?	
16	Cô ấy cao và xinh đẹp.	
17	Anh trai của bạn trông như thế nào?	
18	Anh ấy thấp và khỏe mạnh.	
19	Ai nhỏ hơn, Nam hay chị gái của anh ấy?	
20	Nam thì nhỏ hơn chị gái của cậu ấy.	
21	Ai già hơn, Peter hay Lisa?	
22	Peter thì già hơn Lisa.	

LIVEWORKSHEETS